CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

Tổng CTCP Dệt May Hà Nội

Ngày 30/09/2025	6,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	4.6%	**13.3%**	**36.0%**

DT thuần
Q3/25
315
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 40.0| 14.5%
YoY: ▲ 23.0| 7.8%

LN thuần
Q3/25
5.07
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 6.70| 411%
YoY: ▲ 0.55| 12.2%

LN sau thuế
Q3/25
3.09
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.10| 254%
YoY: ▼2.41| -43.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
3.5%
YoY: +/-▲ 1.1%

ROE (TTM)
Q3/25
0.8%
YoY: +/-▼ 0.9%

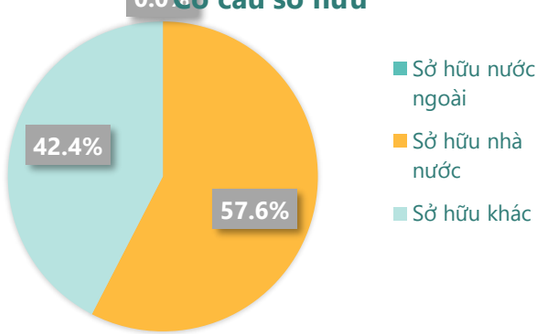
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	4,500 - 7,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	139
Số lượng CPLH (CP)	20,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	290
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.89
EPS	147
P/E	46.2

DT thuần
9T 2025
881
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 65.0| 8.0%

LN thuần
9T 2025
11.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 91.0| 115%

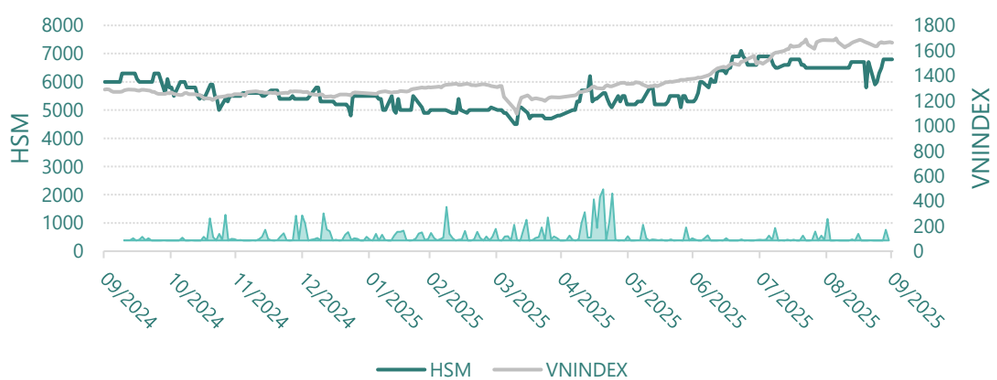
LN sau thuế
9T 2025
8.70
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 86.6| 111%

Cơ cấu sở hữu

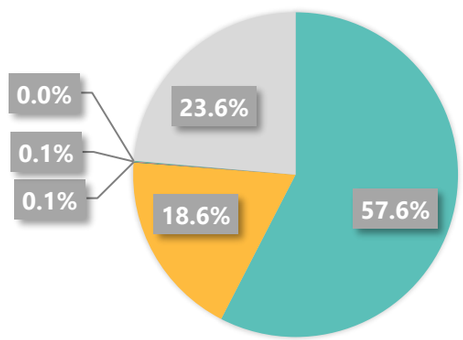


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

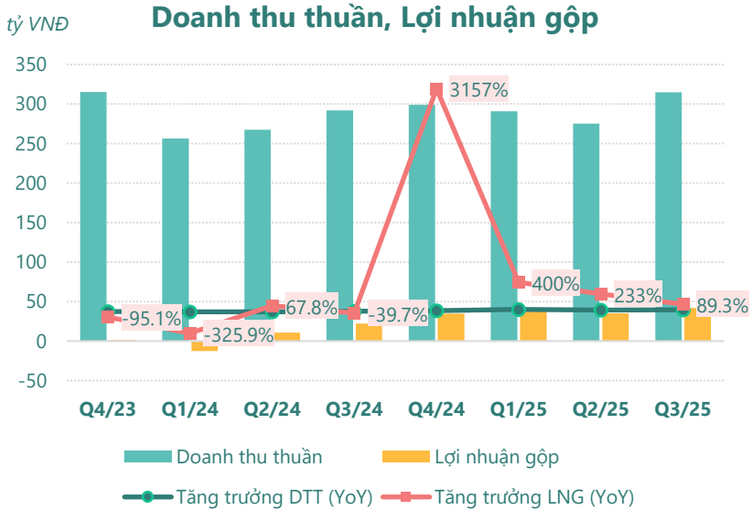


- Công ty TNHH Tổng công ty Dệt may Miền Bắc - Vinatex
- CTCP Dệt may Liên Phương
- Nguyễn Tuấn Đạo (Thành viên Ban kiểm soát)
- Nguyễn Thị Thu Thảo (Kế toán trưởng)
- Nguyễn Trí Sơn (Tổng giám đốc)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

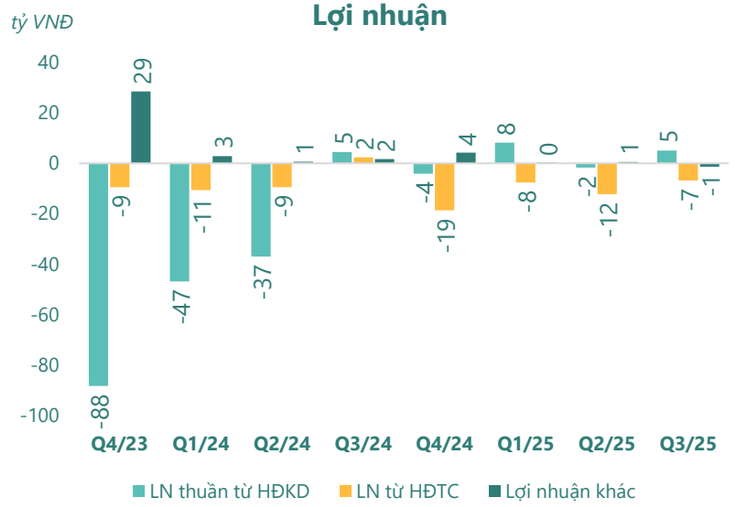
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



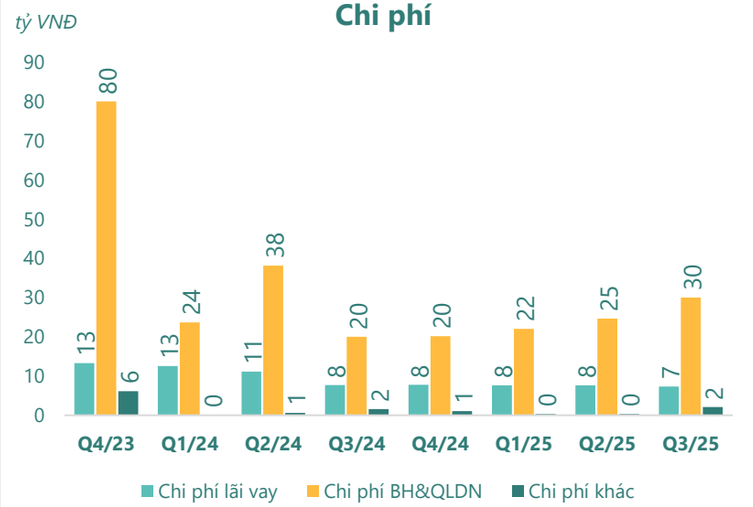
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



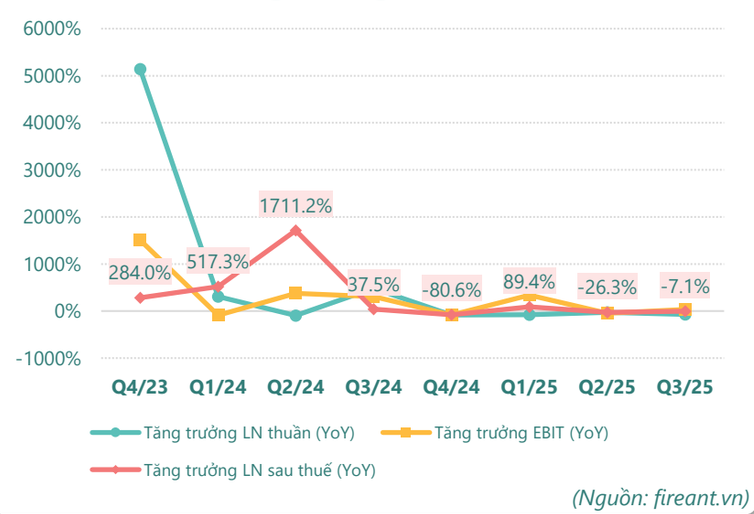
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



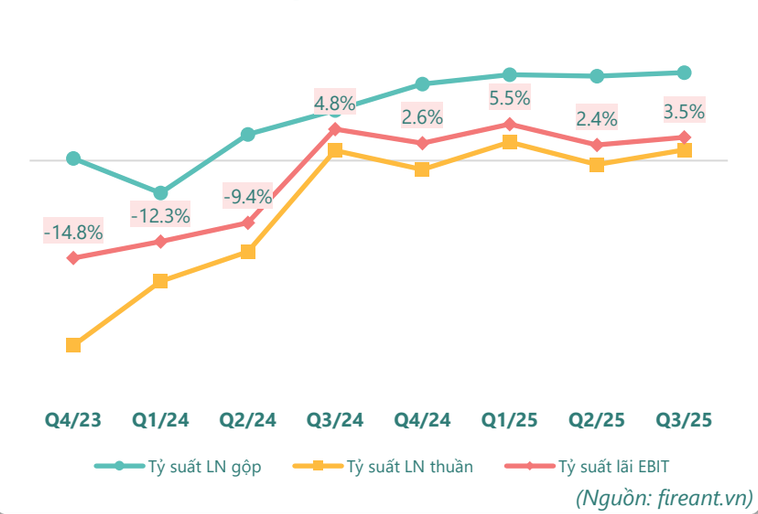
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



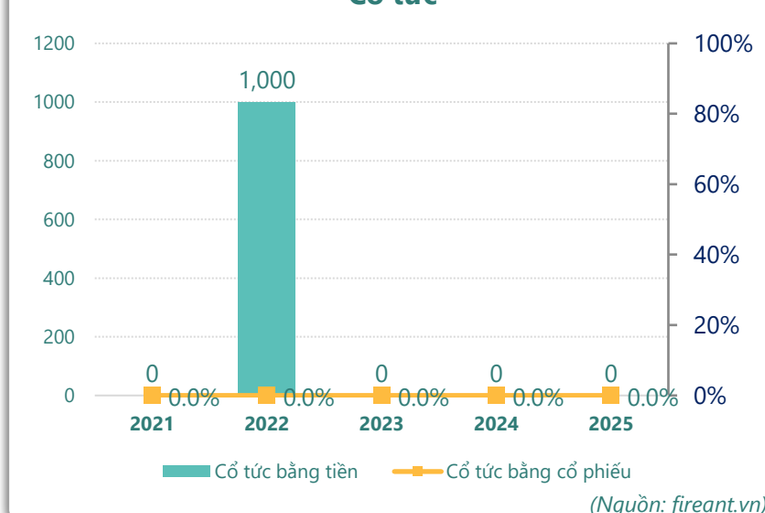
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

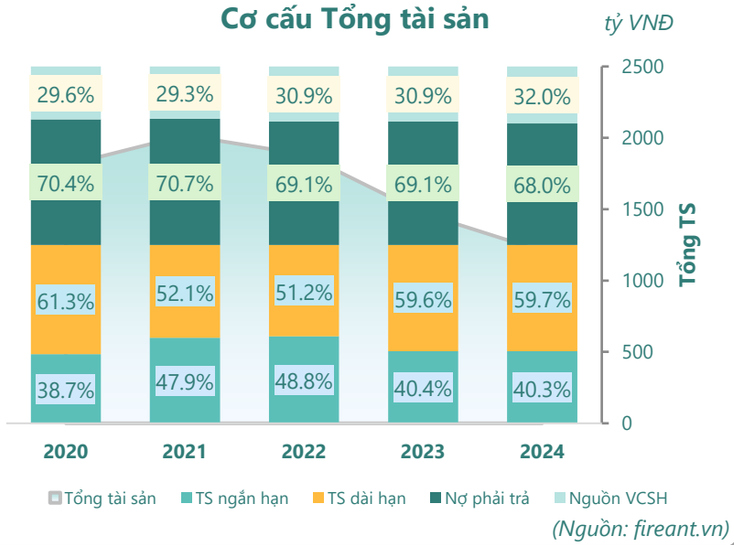
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

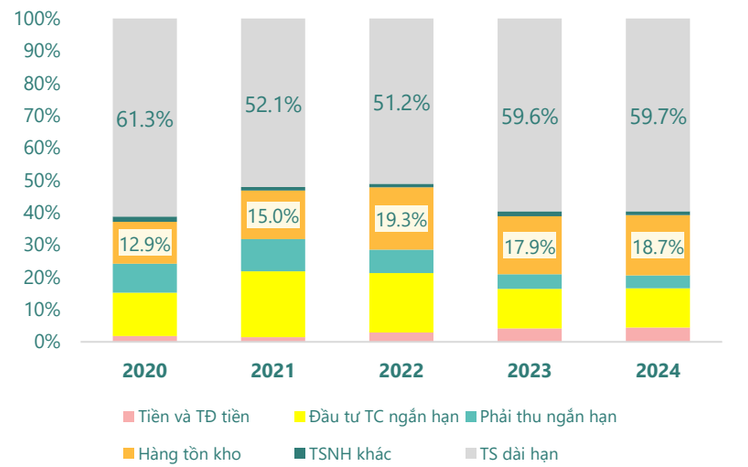
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



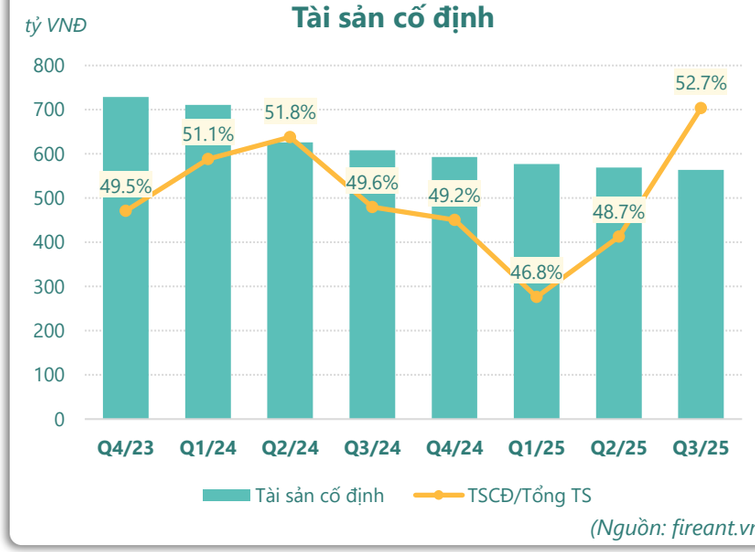
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



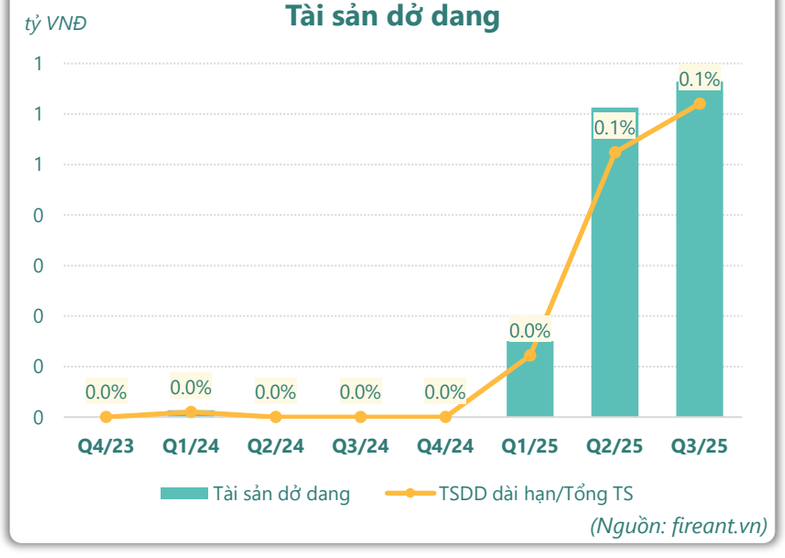
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



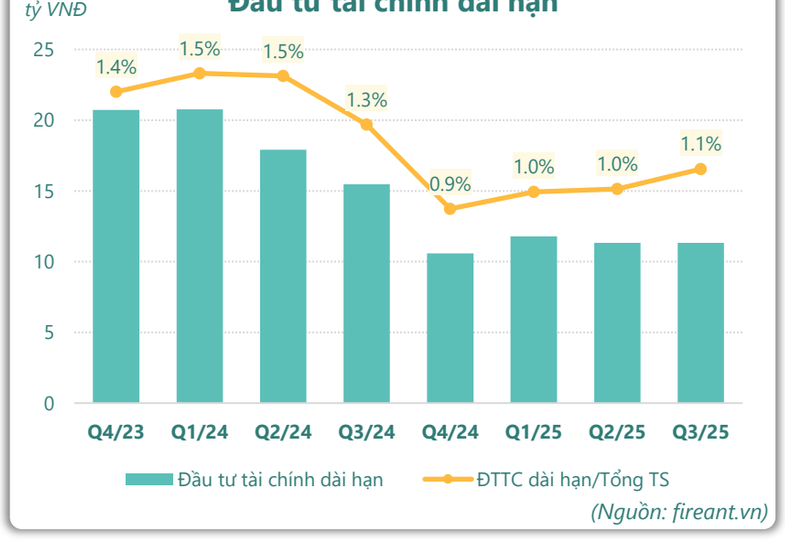
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

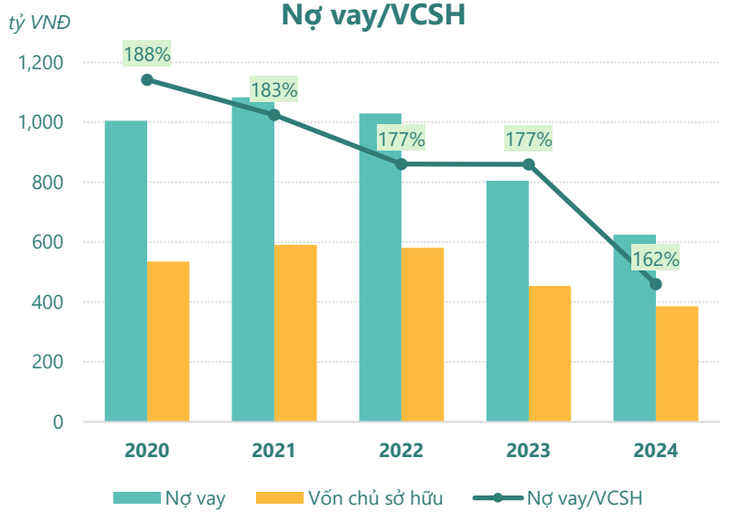
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

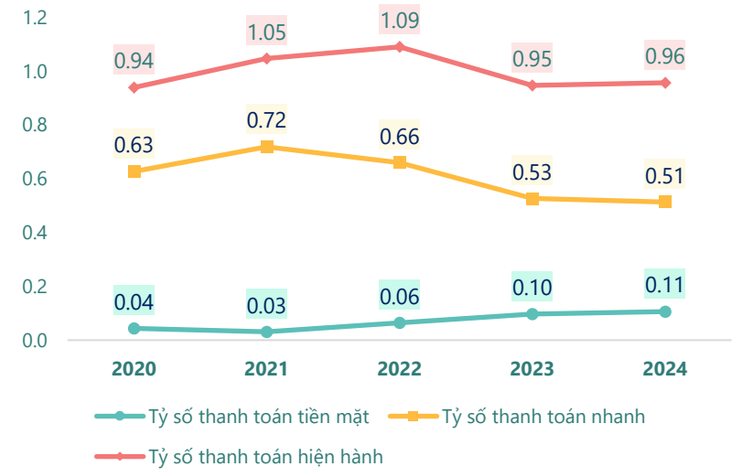
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



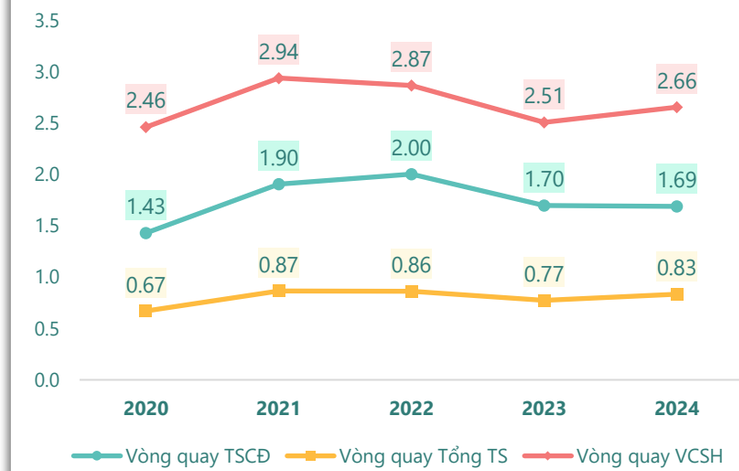
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



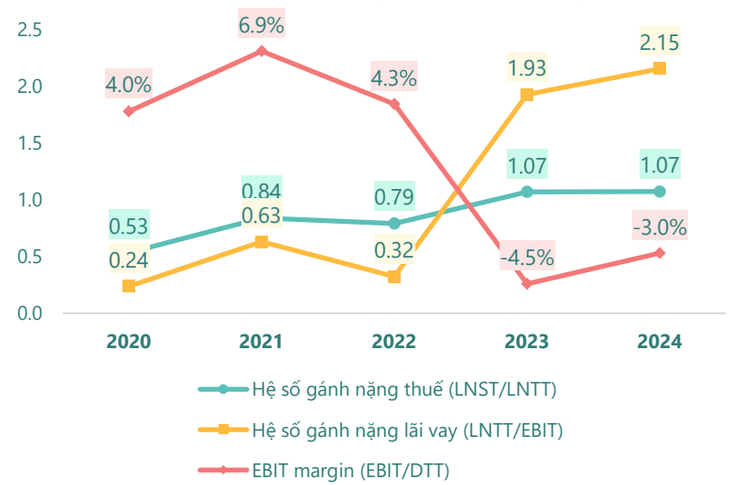
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



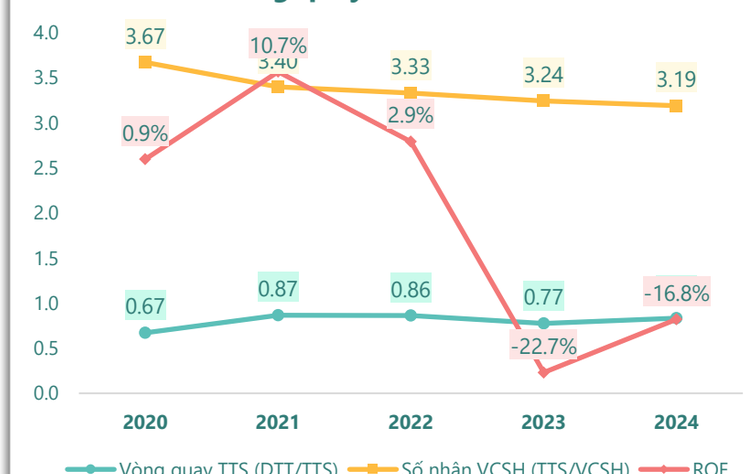
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



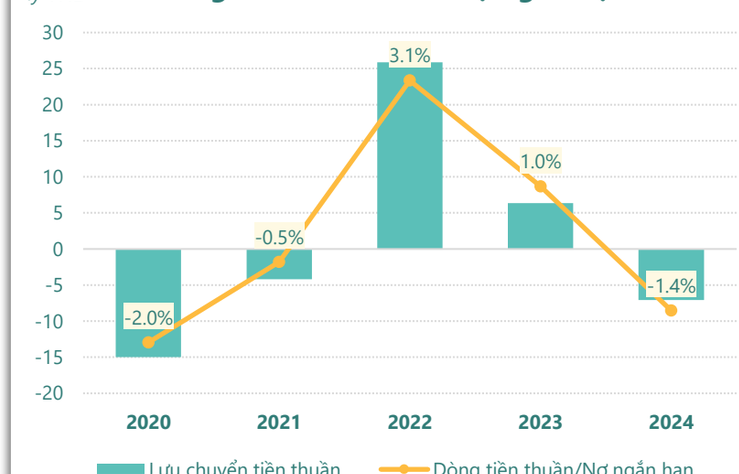
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**315**	**292**	**7.8%**	**881**	**816**	**8.0%**
Giá vốn hàng bán	273	270	1.0%	766	796	-3.8%
Lợi nhuận gộp	42.0	22.2	89.2%	115	20.2	470%
Doanh thu HĐTC	2.88	18.4	-84.3%	10.5	42.0	-75.0%
Chi phí TC	9.74	16.0	-39.1%	37.3	59.7	-37.6%
Chi phí lãi vay	7.33	7.68	-4.5%	22.6	31.3	-27.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0.09**	**-100%**
Chi phí bán hàng	8.85	8.30	6.6%	26.5	22.7	16.7%
Chi phí QLDN	**21.2**	**11.7**	**81.4%**	**50.3**	**59.2**	**-15.1%**
LN thuần từ HĐKD	5.07	4.52	12.2%	11.6	-79.4	115%
Lợi nhuận khác	**-1.33**	**1.68**	**-179%**	**-0.50**	**5.18**	**-110%**
LN trước thuế	3.74	6.20	-39.7%	11.1	-74.2	115%
Lợi nhuận sau thuế	**3.09**	**5.50**	**-43.9%**	**8.70**	**-77.9**	**111%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.82**	**6.35**	**-55.6%**	**5.17**	**-69.3**	**107%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	116	108	-121	51.5	-26.7	40.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	29.5	25.4	15.4	-0.78	6.75	4.85
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-161	-58.5	67.9	-18.9	-5.72	-68.0
Tiền đầu kỳ	32.1	17.1	91.6	53.9	85.8	60.1
Lưu chuyển tiền thuần	**-15.1**	**74.6**	**-37.7**	**31.9**	**-25.7**	**-22.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	-0.01	0.01	0	0.02	-0.02
Tiền cuối kỳ	17.1	91.6	53.9	85.8	60.1	37.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,070**	**1,206**	**-11.2%**
Tài sản ngắn hạn	387	486	-20.4%
Tiền và tương đương tiền	37.6	53.9	-30.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	124	145	-14.6%
Phải thu ngắn hạn	20.5	48.3	-57.6%
Hàng tồn kho	190	225	-15.6%
Tài sản ngắn hạn khác	14.4	13.3	8.0%
Tài sản dài hạn	**683**	**719**	**-5.0%**
Phải thu dài hạn	13.4	13.8	-3.3%
Tài sản cố định	564	593	-4.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.66	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	11.3	11.8	-3.8%
Tài sản dài hạn khác	**94.3**	**101**	**-6.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	679	820	-17.2%
Nợ ngắn hạn	**346**	**508**	**-31.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	210	319	-34.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	68.8	123	-44.3%
Nợ dài hạn	333	312	6.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	327	306	6.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**391**	**385**	**1.4%**
Vốn chủ sở hữu	**391**	**385**	**1.4%**
Vốn điều lệ	205	205	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)